|  |  |
| --- | --- |
| UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN  **SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
|  | *Nghệ An, ngày tháng năm 2025* |

**BẢN SO SÁNH, THUYẾT MINH**

**NỘI DUNG DỰ THẢO** **QUYẾT ĐỊNH CỦA UBND TỈNH SỬA ĐỔI MỘT SỐ ĐIỀU CỦA QUYẾT ĐỊNH SỐ 48/2022/QĐ-UBND NGÀY 01/11/2022 VÀ QUYẾT ĐỊNH SỐ 16/2024/QĐ-UBND NGÀY 24/06/2024 CỦA UBND TỈNH VỚI QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **VĂN BẢN ĐƯỢC SỬA ĐỔI** | **DỰ THẢO VĂN BẢN** | **THUYẾT MINH** |
| **1. Quyết định số 48/2022/QĐ-UBND ngày 01/11/2022 của UBND tỉnh quy định về tỷ lệ quay vòng , trình tự luân chuyển, quy trình theo dõi, giám sát của cơ quan, đơn vị được giao vốn thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất và các nội dung khác về quản lý luân chuyển cộng đồng thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Nghệ An** |  |  |
| * **Điều 2 Tỷ lệ quay vòng vốn**   Tỷ lệ quay vòng vốn đảm bảo mức 5% so với vốn ngân sách nhà nước hỗ trợ cho hộ dân, trường hợp quay vòng bằng hiện vật thì tính theo giá trị của hiện vật được hỗ trợ quy đổi ra tiền đảm bảo tỷ lệ này (tính theo giá của hiện vật do UBND cấp huyện thông báo tại thời điểm quay vòng).   * **Điều 6. Tổ chức thực hiện**   Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố, thị xã; Thủ trưởng các đơn vị và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./. | **- Điều 1**  1. Thay thế cụm từ “UBND cấp huyện” tại Điều 2 bằng cụm từ “UBND cấp xã”; thay thế cụm từ “UBND cấp huyện, thành phố, thị xã” tại Điều 6 bằng cụm từ “UBND cấp xã, phường”. | Kế thừa nội dung đã được ban hành; chỉ chuyển một số nội dung do sắp xếp, tổ chức lại đơn vị hành chính các cấp (chuyển cấp huyện, thành phố, thị xã thành cấp xã, phường); |
| **2. Quyết định số 16/2024/QĐ-UBND ngày 21/06/2024 của UBND tỉnh quy định mẫu hồ sơ, trình tự thủ tục, tiêu chí lựa chọn dự án, kế hoạch liên kết theo chuỗi giá trị trong các nghành nghề, lĩnh vực khác không thuộc lĩnh vực sản xuất, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp; Mẫu hồ sơ, trình tự thủ tục, tiêu chí lựa chọn dự án, phương án sản xuất cộng đồng thực hiện hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Nghệ An** |  |  |
| **- Khoản 2, Điều 2**  a) Bước 1: Các Sở, ban ngành được giao chủ trì tham mưu từng Chương trình mục tiêu quốc gia thông báo rộng rãi kế hoạch thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị trong thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia trên các phương tiện truyền thông (Đài Phát thanh Truyền hình tỉnh hoặc Báo Nghệ An) hoặc trên Cổng Thông tin điện tử tỉnh; Cổng Thông tin điện tử các huyện, thành, thị thực hiện dự án ít nhất 02 lần. Thời gian nhận hồ sơ tối thiểu là 15 ngày kể từ ngày phát hành thông báo.  b) Bước 2: Xây dựng, nộp hồ sơ dự án, kế hoạch liên kết  Đơn vị chủ trì liên kết xây dựng dự án, kế hoạch liên kết và lập hồ sơ đề xuất theo mẫu hồ sơ quy định tại khoản 1 Điều này, nộp 01 bộ hồ sơ (nộp trực tiếp hoặc nộp qua dịch vụ bưu chính hoặc nộp trực tuyến) tại:  Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của Ban Dân tộc đối với các dự án/kế hoạch liên kết theo chuỗi giá trị thuộc phạm vi quản lý cấp tỉnh thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế- xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.  Bộ phận Tiếp nhận của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Nghệ An đối với các dự án, kế hoạch liên kết theo chuỗi giá trị thuộc phạm vi quản lý cấp tỉnh thuộc Dự án 2- Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững.  Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp huyện đối với các dự án, kế hoạch liên kết thuộc phạm vi quản lý cấp huyện.  c) Bước 3: Thẩm định dự án, kế hoạch liên kết  Trong thời gian 15 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ theo đúng quy định, các Sở, ban ngành cấp tỉnh theo phạm vi quản lý tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh thành lập Hội đồng thẩm định cấp tỉnh đối với các dự án, kế hoạch liên kết thuộc phạm vi quản lý cấp tỉnh; Ủy ban nhân dân cấp huyện thành lập Hội đồng thẩm định cấp huyện đối với các dự án, kế hoạch liên kết thuộc phạm vi quản lý cấp huyện và cơ quan, đơn vị, bộ phận giúp việc cho Hội đồng để xem xét, thẩm định dự án.  Thành phần Hội đồng thẩm định ở cấp tỉnh gồm: Chủ tịch hội đồng là Lãnh đạo Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc Lãnh đạo Sở, ban ngành cấp tỉnh khi được ủy quyền; Thành viên Hội đồng là lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi có dự án, kế hoạch liên kết; Đại diện các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính và các Sở, ban ngành cấp tỉnh có liên quan; Chuyên gia độc lập hoặc các thành phần khác (nếu cần thiết).  Thành phần Hội đồng thẩm định ở cấp huyện gồm: Chủ tịch hội đồng là Lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp huyện; Thành viên Hội đồng là lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có dự án, kế hoạch liên kết; đại diện phòng Tài chính - Kế hoạch và các phòng chuyên môn có liên quan; Chuyên gia độc lập hoặc các thành phần khác (nếu cần thiết).  Nội dung thẩm định phải đảm bảo đáp ứng về hồ sơ, thủ tục và các điều kiện quy định tại khoản 12 Điều 1 Nghị định số [38/2023/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/bo-may-hanh-chinh/nghi-dinh-38-2023-nd-cp-sua-doi-nghi-dinh-27-2022-nd-cp-quan-ly-thuc-hien-chuong-trinh-muc-tieu-quoc-gia-570709.aspx) ngày 24/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 21 Nghị định [27/2022/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/bo-may-hanh-chinh/nghi-dinh-27-2022-nd-cp-co-che-quan-ly-thuc-hien-cac-chuong-trinh-muc-tieu-quoc-gia-510809.aspx) ngày 19/4/2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia.  d) Bước 4: Phê duyệt dự án, kế hoạch liên kết  Trong thời gian 10 ngày làm việc kể từ thời điểm nhận hồ sơ và Báo cáo thẩm định của Hội đồng thẩm định, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định hoặc ủy quyền Thủ trưởng các Sở, ban ngành cấp tỉnh quyết định phê duyệt dự án, kế hoạch liên kết thuộc phạm vi quản lý cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định hoặc ủy quyền Trưởng phòng, ban trực thuộc quyết định phê duyệt dự án, kế hoạch liên kết thuộc phạm vi quản lý cấp huyện.  Trường hợp dự án/ kế hoạch liên kết không đủ điều kiện theo quy định thì trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.  **- Khoản 3, Điều 2**  đ) Ưu tiên sử dụng ngân sách nhà nước hỗ trợ các dự án, kế hoạch, phương án hỗ trợ phát triển sản xuất thực hiện trên địa bàn các huyện nghèo, xã, thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; Các dự án, kế hoạch, phương án hỗ trợ phát triển sản xuất sử dụng giống cây trồng, vật nuôi, hàng hóa, dịch vụ do người dân trực tiếp sản xuất tại địa bàn triển khai dự án.  **- Khoản 2, Điều 3**  a) Bước 1: Cơ quan, đơn vị được giao vốn thông báo rộng rãi kế hoạch thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng trên các phương tiện truyền thông (đài phát thanh cấp xã) hoặc trên trang điện tử của huyện, xã (nếu có) và niêm yết công khai tại trụ sở của cơ quan, đơn vị. Thời gian nhận hồ sơ tối thiểu là 10 ngày kể từ ngày phát hành thông báo.  b) Bước 2: Nộp hồ sơ dự án, phương án sản xuất  Cộng đồng dân cư xây dựng dự án, phương án sản xuất, lập hồ sơ đề xuất theo mẫu quy định tại khoản 1 Điều này và nộp 01 bộ hồ sơ tới Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp huyện.  c) Bước 3: Thẩm định dự án, phương án sản xuất:  Trong thời gian 10 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ theo đúng quy định, Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thành lập Tổ thẩm định hồ sơ đề xuất dự án, phương án sản xuất; Có Báo cáo thẩm định trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét, phê duyệt.  Thành phần Tổ thẩm định bao gồm: Tổ trưởng là Lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp huyện hoặc Thủ trưởng phòng chuyên môn trực thuộc theo ủy quyền; Thành viên là: Lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có dự án, phương án sản xuất; Đại diện phòng Tài chính - Kế hoạch, các phòng, ban, đơn vị chuyên môn cấp huyện có liên quan; Chuyên gia độc lập hoặc các thành phần khác (nếu cần thiết).  Nội dung thẩm định phải đảm bảo đáp ứng các điều kiện quy định tại khoản 13 Điều 1 Nghị định số [38/2023/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/bo-may-hanh-chinh/nghi-dinh-38-2023-nd-cp-sua-doi-nghi-dinh-27-2022-nd-cp-quan-ly-thuc-hien-chuong-trinh-muc-tieu-quoc-gia-570709.aspx) .  d) Bước 4: Phê duyệt dự án, phương án sản xuất  Trong thời gian 07 ngày làm việc, kể từ thời điểm nhận hồ sơ và Báo cáo thẩm định của Tổ thẩm định, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định hoặc ủy quyền Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, Thủ trưởng phòng, ban, đơn vị chuyên môn trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định phê duyệt dự án, phương án hỗ trợ phát triển sản xuất do cộng đồng dân cư đề xuất.  Trường hợp dự án, phương án sản xuất không đủ điều kiện theo quy định trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.  **- Khoản 3, Điều 3**  đ) Ưu tiên sử dụng ngân sách nhà nước hỗ trợ các dự án, kế hoạch, phương án hỗ trợ phát triển sản xuất thực hiện trên địa bàn các huyện nghèo, xã, thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; Các dự án, kế hoạch, phương án hỗ trợ phát triển sản xuất sử dụng những hàng hóa, dịch vụ do người dân trực tiếp sản xuất tại địa bàn triển khai dự án.  **- Điều 6** **Tổ chức thực hiện**  Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố, thị xã; Thủ trưởng các đơn vị và tổ chức, các nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./. | - Điều 2  1. Thay thế cụm từ “Đài Phát thanh Truyền hình tỉnh hoặc Báo Nghệ An” bằng cụm từ “Báo và Phát thanh, Truyền hình Nghệ An” tại điểm a khoản 2 Điều 2.  2. Thay thế cụm từ “huyện, thành, thị” bằng cụm từ “phường, xã” tại điểm a khoản 2 Điều 2.  3. Thay thế cụm từ “cấp huyện” bằng cụm từ “cấp xã” tại điểm b, c, d khoản 2 Điều 2 và điểmb, c, d khoản 2 Điều 3.  4. Thay thế cụm từ “Sở Lao động, Thương binh và Xã hội” bằng cụm từ “Sở Nông nghiệp và Môi trường” và cụm từ “Ban Dân tộc” bằng cụm từ “Sở Dân tộc và Tôn giáo” tại điểm b khoản 2 Điều 2.  5. Thay thế cụm từ “huyện, thành phố, thị xã” bằng cụm từ “xã, phường” tại Điều 6.  6. Bỏ cụm từ “Kế hoạch và Đầu tư” tại điểm c khoản 2 Điều 2; bỏ cụm từ “của huyện” tại điểm a khoản 2 Điều 3.  7. Sửa đổi điểm đ khoản 3 Điều 2 như sau: “đ) Ưu tiên sử dụng ngân sách nhà nước hỗ trợ các dự án, kế hoạch, phương án hỗ trợ phát triển sản xuất thực hiện trên địa bàn các xã thuộc huyện nghèo trước thời điểm thực hiện mô hình chính quyền địa phương 2 cấp, xã, thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; Các dự án, kế hoạch, phương án hỗ trợ phát triển sản xuất sử dụng giống cây trồng, vật nuôi, hàng hóa, dịch vụ do người dân trực tiếp sản xuất tại địa bàn triển khai dự án.  8. Sửa đổi điểm đ khoản 3 Điều 3 như sau: “đ) Ưu tiên sử dụng ngân sách nhà nước hỗ trợ các dự án, kế hoạch, phương án hỗ trợ phát triển sản xuất thực hiện trên địa bàn các xã thuộc huyện nghèo trước thời điểm thực hiện mô hình chính quyền địa phương 2 cấp, xã, thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; Các dự án, kế hoạch, phương án hỗ trợ phát triển sản xuất sử dụng những hàng hóa, dịch vụ do người dân trực tiếp sản xuất tại địa bàn triển khai dự án.  9. Sửa đổi điểm c khoản 2 Điều 2 như sau: “Thành phần Hội đồng thẩm định ở cấp xã gồm: Chủ tịch hội đồng là Lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp xã; Thành viên Hội đồng là cán bộ đại diện Phòng Kinh tế hoặc cán bộ chuyên môn phụ trách kế hoạch tài chính, nông nghiệp môi trường (nơi không có Phòng Kinh tế) và Phòng chuyên môn khác có liên quan; Chuyên gia độc lập hoặc các thành phần khác (nếu cần thiết)”.  10. Sửa đổi điểm c khoản 2 Điều 3 như sau: “Thành phần Tổ thẩm định bao gồm: Tổ trưởng là Lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp xã; Thành viên là: cán bộ đại diện Phòng Kinh tế hoặc cán bộ chuyên môn phụ trách kế hoạch tài chính, nông nghiệp môi trường (nơi không có Phòng Kinh tế) và Phòng chuyên môn khác có liên quan; Chuyên gia độc lập hoặc các thành phần khác (nếu cần thiết)”.  11. Sửa đổi điểm d khoản 2 Điều 3 như sau: “Trong thời gian 07 ngày làm việc, kể từ thời điểm nhận hồ sơ và Báo cáo thẩm định của Tổ thẩm định, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định hoặc ủy quyền cho cấp phó phụ trách chuyên môn quyết định phê duyệt dự án, phương án hỗ trợ phát triển sản xuất do cộng đồng dân cư đề xuất”. | Kế thừa nội dung đã được ban hành; chỉ thay đổi một số nội dung do sắp xếp, tổ chức lại đơn vị hành chính các cấp và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp(chuyển cấp huyện thành cấp xã); sửa đổi tên của các Sở, ngành để phù hợp với tên gọi mới sau khi hợp nhất; thay thế tên Sở do có sự chuyển giao nhiệm vụ chủ trì Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững. |

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG